

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế tiểu học cuối học kì 2
Năm học 2023 - 2024

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. TỔNG SỐ HS	662	134	106	150	134	138
HS NỮ	306	60	57	69	56	64
HS KHUYẾT TẬT	7		3	2	2	
HS DÂN TỘC	3		1	1	1	
HS HCKK	22	7	3	5	5	2
II. Học sinh học 2 buổi/ngày	662	134	106	150	134	138
III. Đánh giá học sinh						
Tổng số HS xếp loại các môn học						
1. Tiếng Việt	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	452	106	69	107	93	77
- Hoàn thành	207	25	37	43	41	61
- Chưa hoàn thành	3	3				
2. Toán	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	466	109	69	111	95	82
- Hoàn thành	193	22	37	39	39	56
- Chưa hoàn thành	3	3				
3.Khoa học	272				134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	170				96	74
- Hoàn thành	102				38	64
- Chưa hoàn thành						
4.Lịch sử & Địa lý	272				134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	175				96	79
- Hoàn thành	97				38	59
- Chưa hoàn thành						
5. Ngoại ngữ	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	434	106	70	106	93	59
- Hoàn thành	227	27	36	44	41	79
- Chưa hoàn thành	1	1				
6. Hoạt động trải nghiệm	524	134	106	150	134	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	386	108	72	112	94	
- Hoàn thành	138	26	34	38	40	
- Chưa hoàn thành						
7. Tin học	138					138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	64					64
- Hoàn thành	74					74
- Chưa hoàn thành						
8. Đạo đức	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	473	109	77	112	94	81
- Hoàn thành	189	25	29	38	40	57
- Chưa hoàn thành						
9. Tự nhiên và Xã hội	390	134	106	150		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	298	110	76	112		
- Hoàn thành	92	24	30	38		
- Chưa hoàn thành						
10.Âm nhạc- NT ÂN-khối 1,2,3,4	662	134	106	150	134	138

Chia ra: - Hoàn thành tốt	437	108	71	110	94	54
- Hoàn thành	225	26	35	40	40	84
- Chưa hoàn thành						
11.Mĩ thuật- NT MT-khối 1,2,3,4	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	442	107	76	112	95	52
- Hoàn thành	220	27	30	38	39	86
- Chưa hoàn thành						
12.Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	284			150	134	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	214			114	100	
- Hoàn thành	70			36	34	
- Chưa hoàn thành						
13.Tin học và Công nghệ (Tin học)	284			150	134	
Chia ra: - Hoàn thành tốt	200			109	91	
- Hoàn thành	84			41	43	
- Chưa hoàn thành						
14.Kĩ thuật	138					138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	88					88
- Hoàn thành	50					50
- Chưa hoàn thành						
15. Thể dục-GDTC	662	134	106	150	134	138
Chia ra: - Hoàn thành tốt	443	107	72	110	95	59
- Hoàn thành	219	27	34	40	39	79
- Chưa hoàn thành						
Về năng lực (TT 22/2016)						
1. Tự phục vụ	138					138
Chia ra: - Tốt	94					94
- Đạt	44					44
- Cần cố gắng						
2. Hợp tác	138					138
Chia ra: - Tốt	98					98
- Đạt	40					40
- Cần cố gắng						
3. Tự học giải quyết vấn đề	138					138
Chia ra: - Tốt	106					106
- Đạt	32					32
- Cần cố gắng						
Về phẩm chất (TT 22/2016)						
1. Chăm học chăm làm	138					138
Chia ra: - Tốt	99					99
- Đạt	39					39
- Cần cố gắng						
2. Tự tin trách nhiệm	138					138
Chia ra: - Tốt	104					104
- Đạt	34					34
- Cần cố gắng						
3. Trung thực kỷ luật	138					138
Chia ra: - Tốt	110					110
- Đạt	28					28
- Cần cố gắng						
4. Đoàn kết yêu thương	138					138
Chia ra: - Tốt	115					115
- Đạt	23					23
- Cần cố gắng						
Năng lực cốt lõi (TT27/2020)						
1.Năng lực chung (TT27/2020)						

* Tự chủ & tự học	524	134	106	150	134	
Tốt	385	107	75	108	95	
Đạt	139	27	31	42	39	
Cần cố gắng						
* Giao tiếp & hợp tác	524	134	106	150	134	
Tốt	385	107	75	108	95	
Đạt	139	27	31	42	39	
Cần cố gắng						
*Giải quyết vấn đề &sáng tạo	524	134	106	150	134	
Tốt	383	107	75	106	95	
Đạt	141	27	31	44	39	
Cần cố gắng						
2.Năng lực đặc thù (TT27/2020)						
*Ngôn ngữ	524	134	106	150	134	
Tốt	383	108	74	108	93	
Đạt	138	23	32	42	41	
Cần cố gắng	3	3				
*Tính toán	524	134	106	150	134	
Tốt	385	110	74	108	93	
Đạt	136	21	32	42	41	
Cần cố gắng	3	3				
*Khoa học	524	134	106	150	134	
Tốt	382	108	74	107	93	
Đạt	142	26	32	43	41	
Cần cố gắng						
*Công nghệ	284			150	134	
Tốt	200			107	93	
Đạt	84			43	41	
Cần cố gắng						
*Tin học	284			150	134	
Tốt	201			108	93	
Đạt	83			42	41	
Cần cố gắng						
* Thảm mĩ	524	134	106	150	134	
Tốt	382	108	74	107	93	
Đạt	142	26	32	43	41	
Cần cố gắng						
*Thể chất	524	134	106	150	134	
Tốt	384	108	74	109	93	
Đạt	140	26	32	41	41	
Cần cố gắng						
Phẩm chất chủ yếu (TT27/2020)						
1. Yêu nước	524	134	106	150	134	
Tốt	413	111	81	115	106	
Đạt	111	23	25	35	28	
Cần cố gắng						
2.Nhân ái	524	134	106	150	134	
Tốt	410	110	80	114	106	
Đạt	114	24	26	36	28	
Cần cố gắng						
3.Chăm chỉ	524	134	106	150	134	
Tốt	403	110	80	111	102	
Đạt	121	24	26	39	32	

Cần cố gắng						
4.Trung thực	524	134	106	150	134	
Tốt	409	112	79	112	106	
Đạt	115	22	27	38	28	
Cần cố gắng						
5.Trách nhiệm	524	134	106	150	134	
Tốt	405	110	79	112	104	
Đạt	119	24	27	38	30	
Cần cố gắng						
IV. Khen thưởng						
Khen thưởng cấp trường	505	108	72	108	100	117
Học sinh hoàn thành Xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (HTXS)	264	65	40	61	53	45
Học sinh có thành tích vượt trội (HTT)	210	41	29	45	38	57
Khen thưởng cấp trên	31	2	3	2	9	15
V. HS.K.Tật ĐG	7		3	2	2	
VI. HS.K.Tật không ĐG	0	0	0	0	0	0
VII. Học sinh bỏ học	0	0	0	0	0	0
VII. Chương trình lớp học	662	134	106	150	134	138
Hoàn thành	659	131	106	150	134	138
Chưa hoàn thành	3	3	0	0	0	0

Bình Dương, ngày 24 tháng 05 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Yên

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Yến

